

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2020/DS-PT
Ngày 27 - 8 - 2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 113/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐ-PT ngày 31-7-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2020/QĐ-PT ngày 18-8-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ X, khu phố L, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1984 (vắng mặt) và ông Trần Quốc P, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ X, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972.

3.2. Bị đơn - bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1984 và ông Trần Quốc P, sinh năm 1987.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 14/3/2018, giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H có ký kết hợp đồng vay tiền cụ thể: Bà D cho ông P, bà H vay số tiền 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng), thời hạn vay là 24 (hai mươi bốn) tháng, lãi suất là 1,5%/tháng. Hợp đồng vay tiền được các bên ký kết tại Văn phòng công chứng Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số công chứng 431, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD. Bà D đã giao đủ tiền mặt cho ông P, bà H.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông P, bà H đã thanh toán cho bà D một phần tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) vào gốc ngày 25/4/2018, hiện nay còn nợ số tiền 4.300.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm triệu đồng). Quá trình tố tụng do bà nhận thấy ông P, bà H khó khăn nên đồng ý cùng thống nhất số nợ là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) để thỏa thuận giải quyết vụ án nhưng do ông P, bà H không đồng ý thỏa thuận nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng vay tiền số 431, quyển số 01TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/3/2018 ký kết tại Văn phòng công chứng Tân Thành giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H; yêu cầu ông P, bà H thanh toán tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/9/2018 đến khi xét xử với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Tại phiên tòa bà D chỉ thừa nhận ông P, bà H đã trả số tiền 700.000.000 đồng vào ngày 25/4/2018 cho hợp đồng 431 và cung cấp tin nhắn trên Zalo thể hiện lúc 14 giờ 50 phút ngày 18/10/2019 phía bà H đã xác nhận công nợ số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng chuyển vào ngày 14/6/2018 do ông P và bà H gửi nhờ vào tài khoản của bà; đến ngày 15/6/2018 bà đã giao lại số tiền này cho ông P, bà H. Tuy nhiên do tin tưởng nhau nên việc giao tiền giữa bà và ông P, bà H không được lập biên bản và hiện nay bà cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho Tòa án. Còn đối với các lần chuyển tiền khác không liên quan đến hợp đồng vay tiền 431 mà là do ông P, bà H trả tiền chơi hụi cho bà, tuy nhiên nếu ông P, bà H vẫn cương quyết đây là trả tiền nợ cho hợp đồng 431 thì bà sẽ đồng ý với số tiền đã chuyển, đề nghị Hội đồng xét xử tính toán theo quy định và bà sẽ yêu cầu đòi tiền hụi trong vụ án dân sự khác.

Bà D yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng vay tiền số 431, quyển số 01TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/3/2018 ký kết tại Văn phòng công chứng Tân Thành giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H về tiền gốc, tính lãi suất từ ngày 14/3/2018 đến ngày 14/3/2020 là 1,5%; từ ngày 15/3/2020 đến thời điểm xét xử đề nghị tính lãi theo quy định pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H trình bày:

Ông P, bà H xác nhận giữa ông bà và bà D có ký kết hợp đồng vay tiền số 431, quyền số 01TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/3/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông P, bà H xác định hiện nay còn nợ bà D số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D ông P, bà H đồng ý hủy hợp đồng vay tiền số 431, quyền số 01TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/3/2018 ký kết tại Văn phòng công chứng Tân Thành và đồng ý thanh toán cho bà D số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ). Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 14/9/2018 đến khi xét xử với mức lãi suất 1,5%/tháng thì ông P, bà H không đồng ý vì hiện tại khó khăn không có điều kiện thanh toán tiền lãi, xin bà D cho miễn tiền lãi để có điều kiện thanh toán tiền nợ gốc.

Ông P, bà H xác định hợp đồng này chỉ là giả tạo, các bên không có việc giao nhận số tiền 5.000.000.000 đồng. Nguyên nhân ông bà ký hợp đồng này là do trước đó ông bà đã vay nhiều tiền của bà D với lãi suất 09%/tháng, số nợ đến ngày 14/3/2020 là 4.700.000.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm triệu đồng) nhưng do chưa có tiền trả nên đã ra ký hợp đồng để xác nhận số nợ. Ông bà xác định do thời gian đã lâu nên không nhớ số tiền và cũng không có các giấy tờ vay nợ như đã trình bày nên không thể cung cấp cho Tòa án. Đối với tin nhắn Zalo lúc 14 giờ 50 phút ngày 18/10/2019 do bà D cung cấp, bà H thừa nhận đã xác nhận số tiền nợ 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ) với bà D là đã tính bao gồm cả gốc và lãi.

Đồng thời ông P, bà H yêu cầu Hội đồng xét xử làm rõ số tiền nợ và cung cấp các sao kê tài khoản tại Ngân hàng Eximbank thể hiện việc trả tiền thông qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản 180314849151050 của bà H tại Ngân hàng Eximbank vào tài khoản 76210000185062 của bà D tại Ngân hàng BIDV từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2018, trong đó tiền gốc đã trả là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi (ông bà không xác định được tiền lãi là bao nhiêu).

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông P, bà H đề nghị thương lượng hòa giải theo hướng ông bà trả số tiền gốc 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng). Nhưng đề nghị bà D miễn tính tiền lãi từ ngày 14/3/2018 cho đến nay và sau khi có bản án, quyết định của Tòa; đồng thời cho vợ chồng ông bà trả tiền góp hàng tháng 50.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Nếu bà D không hòa giải thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H.

Tuyên chấm dứt hợp đồng vay tiền số 431, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/3/2018 ký kết tại Văn phòng công chứng Tân Thành giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H.

Buộc ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền 4.341.807.000 đồng (bốn tỷ ba trăm bốn mươi một triệu tám trăm linh bảy nghìn); trong đó tiền nợ gốc 3.238.946.000 đồng (ba tỷ hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn); tiền lãi tính từ ngày 14/9/2018 đến ngày 08/5/2020: tiền lãi trong hạn là 924.843.000 đồng (chín trăm hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn) và tiền lãi quá hạn 160.875.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn); tiền nợ lãi là 17.143.000 đồng (mười bảy triệu một trăm bốn mươi ba nghìn).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc là 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/9/2018 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, bị đơn bà Võ Thị Kim H và ông Trần Quốc P làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự trong vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; buộc bà Võ Thị Kim H và ông Trần Quốc P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà D khoản tiền gốc 4.000.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim H và ông Trần Quốc P: Do người kháng cáo (bà H, ông P) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, tuy nhiên vắng mặt coi như từ bỏ việc kháng cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H, ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và bà Trần Thị Kim Hoài, ông Trần Quốc P đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Các đương sự gồm các ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Xét lý do ông Trần Quốc P xin hoãn phiên tòa là bà H bị rối loạn tiền đình, tụt huyết áp, thiếu can xi nên phải đưa đi bệnh viện, tuy nhiên chứng cứ mà ông P cung cấp là các Phiếu khám bệnh xảy ra trong tháng 5, 6 năm 2020; do đó việc vắng mặt của ông P, bà H không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung :

Xét kháng cáo của bà Võ Thị Kim H, ông Trần Quốc P:

Phiên tòa đã được mở lần thứ hai, bà H, ông P đã được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên vắng mặt coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H, ông P.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D thì thấy:

[2.1] Theo xác nhận của bà D, vợ chồng bà H, ông P thì: Ngày 14/3/2018, các bên có ra văn phòng công chứng Tân Thành để ký hợp đồng vay tiền không có thế chấp tài sản. Nội dung của hợp đồng: Bên cho vay là bà D và bên vay là ông P, bà H, số tiền vay 5.000.000.000 đồng; lãi suất 1,5%/tháng; thời hạn vay 24 tháng; phương thức giao nhận tiền mặt ngay sau khi ký hợp đồng. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định vào ngày 14/3/2018, bà H và ông P nợ bà D số tiền 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng).

[2.2] Tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, bà D, vợ chồng bà H, ông P đồng ý chấm dứt thực hiện hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2018 nên ghi nhận là phù hợp.

[2.3] Xét nghĩa vụ của ông P, bà H về việc trả nợ số tiền vay cho bà D thì thấy:

Theo lời khai của bà D thì vợ chồng bà H, ông P mới trả được số tiền gốc 700.000.000 đồng vào ngày 25/4/2018; số tiền thể hiện trong tài khoản là do giữa các bên có giao dịch khác, đó là: tiền thanh toán hội; tiền bà D nhận 1.000.000.000 đồng đã được trả lại tiền mặt cho bà H, ông P.

Theo lời khai của ông P, bà H thì vợ chồng ông P, bà H đã trả cho bà D khoản nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng tại

cấp sơ thẩm, bà H, ông P xác nhận còn nợ bà D số tiền gốc là 4.000.000.000 đồng.

Xét thấy, tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà D đồng ý chỉ yêu cầu bà H, ông P trả số tiền nợ vay 4.000.000.000 đồng, số tiền này đúng bằng số tiền bà H, ông P xác nhận và đồng ý trả nợ nên cần phải ghi nhận sự định đoạt của đương sự. Do đó, tính đến ngày 24-9-2018, ông P, bà H còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà D số tiền 4.000.000.000 đồng.

Mặc dù, tại phiên tòa sơ thẩm, bà H, ông P có cung cấp chứng cứ là sao kê tài khoản ngân hàng đã xác định bà H, ông P đã chuyển cho bà D số tiền 2.083.500.000 đồng; tuy nhiên bà H, ông P không chứng minh được số tiền gửi vào tài khoản của bà D là để nhằm thanh toán khoản nợ ngày 14/3/2018. Đồng thời, tại bản sao kê tài khoản thể hiện toàn bộ số tiền này được thanh toán trước thời điểm bà H, ông P xác nhận nợ với bà D là 4.300.000.000 đồng (trước ngày 24-9-2018). Do vậy, việc cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ của bà H, ông P phải thanh toán số nợ gốc 3.238.946.000 đồng cho bà D là trái với sự định đoạt, thỏa thuận của đương sự.

[2.3] Xét nghĩa vụ của ông P, bà H về việc trả tiền lãi trên số tiền vay cho bà D thì thấy:

Theo hợp đồng vay tiền thì các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng và thời hạn vay là 24 tháng. Mức lãi suất mà các đương sự thỏa thuận không vượt quá 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 24-9-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 19 tháng 20 ngày. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp. Tiền lãi suất được tính như sau: 19 tháng 20 ngày x 1,5%/tháng x 4.000.000.000 đồng = 1.180.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D chỉ yêu cầu ông P, bà H thanh toán tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.000.000.000 đồng là thấp hơn số tiền lãi suất đã được tính ở trên và có lợi cho bị đơn nên cần ghi nhận. Buộc bà H, ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà D số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2020 là: 1.000.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị D tổng số tiền gốc và lãi là 4.000.000.000 đồng + 1.000.000.000 đồng = 5.000.000.000 đồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên án phí được tính lại như sau:

Bà H và ông P phải chịu án phí trên số tiền mà bà D yêu cầu được Tòa án chấp nhận, số tiền án phí phải nộp trên tổng số tiền gốc và lãi là: 113.000.000 đồng.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H và ông P phải chịu, số tiền phải nộp là: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim H, ông Trần Quốc P.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DSST ngày 20/5/2020, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, cụ thể như sau:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng vay tiền số 431, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/3/2018 ký kết tại Văn phòng công chứng Tân Thành giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H.

Buộc ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng); trong đó tiền nợ gốc 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng), tiền lãi 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1.5%/tháng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H phải nộp 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004011 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Quốc P, bà Võ Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ bảo tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005446 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ; ông P, bà H đã nộp xong.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005448 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thị xã Phú Mỹ;
- THA DS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long